

Ranking inicial

No.		Nombre	FIDE-ID	FED	Elo	sexo	Tipo	Gr	Club/Ciudad
1		Võ, Đại Hoài Đức	12400033	VIE	1923		S35	c	Masters of Time
2		Trương, Phúc Nhật Nguyên	12450480	VIE	1716		U09		TP.HCM
3		Nguyễn, Hoàng Gia	12457582	VIE	1715		S35		Biên Hòa Chess
4		Ngô, Minh Hằng	12426768	VIE	1685	w		x	I-Chess
5	AIM	Ngô, Thanh Tú	12426776	VIE	1685		S35	x	Masters of Time
6		Võ, Nguyễn Thiên Ân	12436305	VIE	1667		U11		Bình Dương
7		Nguyễn, Việt Dũng	12431680	VIE	1625		U13		An Giang
8	ACM	Phan, Quốc Việt Anh	12438642	VIE	1540				Chess Master
9		Nguyễn, Thiên Ngân	12447854	VIE	1534	w	U11		An Giang
10	AIM	Vũ, Hạo Nhiên	12460796	VIE	1525		U07		TP.HCM
11		Võ, Quang Minh	12485047	VIE	1460		U07		TP.HCM
12	AFM	Đỗ, Ngọc Minh Long	561013510	VIE	0		U09		Cờ vua Sài Gòn
13		Lê, Hồng Anh	12494682	VIE	0		U11		TP.HCM
14		Lê, Hồng Vũ	12494674	VIE	0		U11		TP.HCM

Encontrará todos los detalles del torneo en <https://chess-results.com/tnr1491804.aspx?lan=2>
Servidor de Resultados de Torneos de Ajedrez : Chess-Results